



BẢN TIN THAN NGÀY

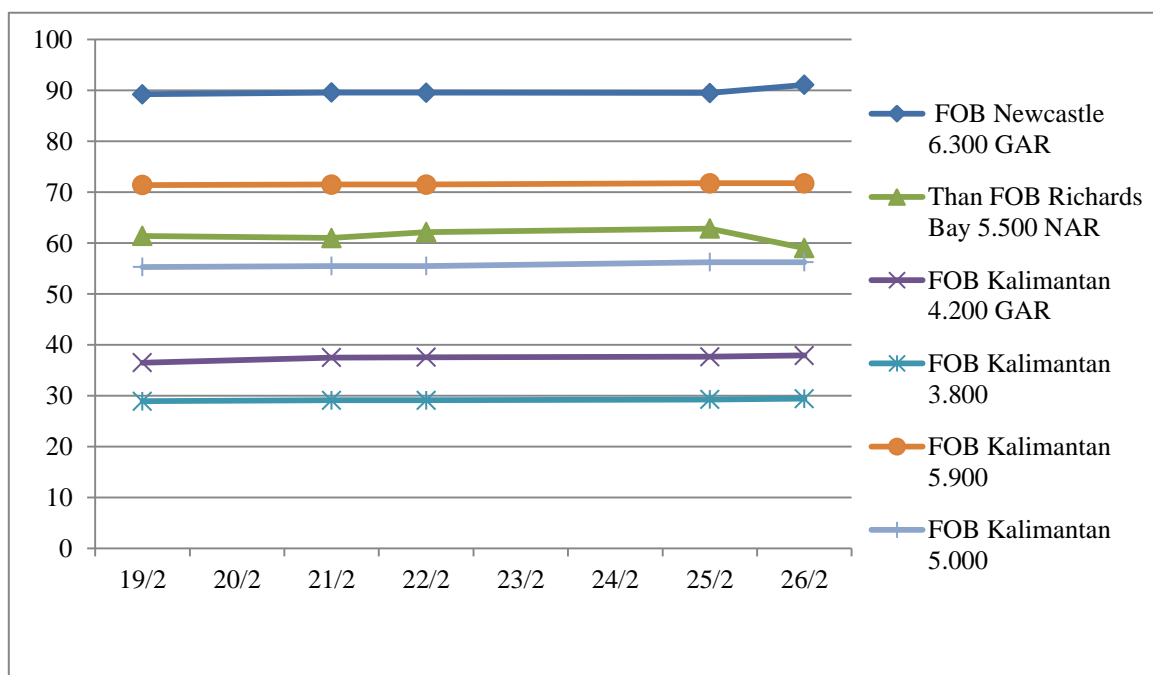
Ngày 01/03/2019

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Theo chuyên	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	91,10	+1,60	N/A	N/A
FOB Richards Bay 5.500 NAR	59,00	+1,50	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	71,75	+0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	56,25	+0,00
FOB Kalimantan 4.200 GAR	37.90	+0.25	N/A	N/A
FOB Kalimantan 3.800 GAR	29.40	+0.15	N/A	N/A

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	44,40	+0,10	296,14	+0,82
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	62,85	+0,10	419,20	+0,88
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	67,50	+1,00	450,21	+6,89

GIÁ THEO CHUYÊN CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2019



ĐIỂM TIN

Than nhiệt chiếm tỉ lệ dưới 60% trong các nguồn năng lượng được sử dụng tại Trung Quốc

Tỷ lệ sử dụng than nhiệt trong hỗn hợp năng lượng của Trung Quốc đã giảm xuống dưới mức 60% trong năm 2018, do nước tiêu thụ than lớn nhất thế giới đang hướng đến mục tiêu tăng cường sử dụng nguồn nhiên liệu sạch hơn, theo dữ liệu của Cục Thống kê Quốc gia (NBS) đưa ra trong thứ 5 (28/2). Tổng lượng điện mà Trung Quốc đã tiêu thụ trong năm 2018 tăng 3,3% so với năm 2017, tương đương 4,64 tỉ tấn than. Than chiếm 59% trong hỗn hợp năng lượng tại Trung Quốc trong năm 2018, giảm từ 60,4% trong năm 2017, trong khi tổng mức tiêu thụ nhiên liệu gas, hạt nhân và năng lượng tái tạo bao gồm cả thủy điện chiếm khoảng 22,1%, tăng từ 20,8% của năm 2017. Hiện tại, NBS cho biết, tỷ lệ sử dụng than đã tăng 1% so với cùng kỳ năm trước, mặc dù chưa có dữ liệu chính thức. Trong tháng 1, Cục Năng lượng Quốc gia Trung Quốc dự kiến mức tiêu thụ than của nước này chỉ chiếm còn 58,5% trên tổng nguồn năng lượng sử dụng trong năm 2019.

Bayan Resources, Indonesia thiếu hụt xả lan xếp hàng do mớn nước thấp

Công ty sản xuất than Bayan Resources, Indonesia đã phải đối mặt với tình trạng thiếu hụt xả lan, từ đó ảnh hưởng đến việc xếp than. Công ty này hiện đang gặp khó khăn do mực nước thấp, từ đó hạn chế hoạt động sản xuất. Một công ty thương mại Singapore cho biết: “Họ đã không thể xếp than lên khoảng 30 tàu từ tuần trước bởi mực nước thấp”. Rất nhiều khách hàng cho biết, họ vẫn đang đợi xác nhận của công ty về thời gian trì hoãn làm hàng. Một công ty thương mại khác cho biết: “Chúng tôi không rõ thời gian trì hoãn sẽ kéo dài bao lâu”. Một khách hàng khác cho biết: “Tình hình sẽ được cải thiện. Tôi tin những vấn đề trên là hoàn toàn bình thường khi vận hành chuỗi”. Bayan Resources hiện chưa đưa ra lời bình luận.

(Nguồn: S&P Global Coal)

Tình trạng thiếu hụt than kéo dài tại các NMNĐ Ấn Độ chính thức kết thúc

Lượng than dự trữ tại các NMNĐ và các mỏ than lộ thiên đã đạt mức 60 triệu tấn, đủ để sản xuất điện trong vòng 36 ngày, kết thúc tình trạng thiếu hụt than kéo dài hàng tháng trời. Các lãnh đạo trong ngành điện lực cho biết, nhu cầu thấp trong các tháng mùa đông đã giúp giảm thiểu lượng nhiên liệu tiêu thụ, và tăng lượng than dự trữ. Các NMNĐ hiện có lượng than dự trữ đủ để hoạt động trong vòng 15 ngày và tất cả các tổ máy đều có nhiên liệu để vận hành, đây là một bước tiến đáng kể từ tháng 10 khi các NMNĐ chỉ đủ than để hoạt động trong vòng sáu ngày và nhiều nơi không còn than. Lượng than dự trữ tại các mỏ lộ thiên đủ để vận hành các NMNĐ trong vòng 21 ngày. Lượng than dự trữ tại các NMNĐ đã tăng tới 25,37 triệu tấn từ khoảng 10 triệu tấn trong tháng 10 năm ngoái, trong khi các kho than ở mỏ lộ thiên đã tăng lên 34,50 triệu tấn từ 20 triệu tấn trong tháng 11.

Một quản lý cấp cao tại Coal India cho biết, số lượng các nhà máy trong tình trạng thiếu hụt chỉ còn ba, trong khi chỉ còn hai nhà máy trong tình trạng cạn kiệt than dự trữ: “Việc cung cấp than tới các nhà máy bị ảnh hưởng bởi vấn đề logistics”. Các công ty sản xuất điện cho biết, lượng than dự trữ tăng bởi đang là mùa thấp điểm, tuy nhiên các nhà máy cần dự trữ càng nhiều than càng tốt. Coal India đang yêu cầu các nhà máy điện tăng khối lượng than dự trữ càng nhiều càng tốt để chuẩn bị cho mùa hè sắp tới.

(Nguồn: www.economictimes.indiatimes.com)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIÊN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn	Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Australia	Trung Quốc	6,10		+0,00
	Queensland	Nhật Bản	6,70		+0,00
	New South Wales	Hàn Quốc	7,55		+0,00
Panamax	Richards Bay	Tây Ấn Độ	10,70		+0,00

(70.000 tấn)	Kalimantan	Tây Ấn Độ	8,00	+0,30
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	10,75	+0,00
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	6,70	+0,30
	Australia	Trung Quốc	10,40	+0,25
	Australia	Ấn Độ	11,50	+0,25

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 26/02/2019)